

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÔNG ĐÀ KINH BẮC LAND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÔNG ĐÀ KINH BẮC LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA KINH BAC LAND REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SONG DA KINH BAC LAND.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109745628

3. Ngày thành lập: 14/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

L12-L03 Phân khu A, Khu ĐTM Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986198619

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây cà phê	0126
2.	Trồng cây chè	0127
3.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
4.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
5.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
6.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
7.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
8.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
9.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
10.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
11.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
12.	Trồng cây cao su	0125
13.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
14.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết : Khách sạn	5510
15.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
16.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống không có cồn - Bán lẻ đồ uống có cồn	4723

17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng bạc và kim loại quý khác)	4662
19.	Bán buôn đồ uống	4633
20.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
23.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản; Môi giới bất động sản	6820
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
30.	Phá dỡ	4311
31.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
34.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
35.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh ;Ủy thác mua bán hàng hóa	8299
37.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
38.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
39.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
40.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
41.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
42.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

43.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Trừ sửa chữa và bảo dưỡng vũ khí và quân nhu (bao gồm sửa chữa súng thể thao và giải trí))	3311
44.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
45.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
48.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
49.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.	6492
50.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
51.	Đại lý du lịch	7911
52.	Điều hành tua du lịch	7912
53.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
54.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng đường bộ	4931
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
56.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
57.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
59.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
61.	Bán buôn tổng hợp	4690
62.	In ấn	1811
63.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
64.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su.	4669
65.	Trồng lúa	0111
66.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
67.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
68.	Trồng cây mía	0114

69.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
70.	Trồng cây lấy sợi	0116
71.	Trồng cây ăn quả	0121
72.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
73.	Trồng cây điều	0123
74.	Trồng cây hồ tiêu	0124
75.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về nông học	7490
76.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
77.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
78.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
79.	Đào tạo sơ cấp	8531
80.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
81.	Đào tạo cao đẳng	8533
82.	Giáo dục nhà trẻ	8511
83.	Giáo dục mẫu giáo	8512
84.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
85.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
86.	Quảng cáo	7310
87.	Xây dựng nhà để ở	4101
88.	Xây dựng nhà không để ở	4102
89.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
90.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
91.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
92.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
93.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
95.	Xây dựng công trình thủy	4291
96.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
97.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
98.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
99.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322

100.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
101.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển.	7730
102.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
103.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
104.	Đào tạo trung cấp	8532
105.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
106.	Xuất bản phần mềm	5820
107.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
108.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
109.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
110.	Lập trình máy vi tính	6201
111.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
112.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
113.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; - Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	5225
114.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
115.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
116.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
117.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
118.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
119.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
120.	Cổng thông tin Chi tiết: - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; - Thiết lập mạng xã hội. (Trừ hoạt động báo chí)	6312
121.	Khai thác thủy sản biển	0311
122.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
123.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321

124.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
125.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
126.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
127.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
128.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
129.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
130.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
131.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
132.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
133.	Sản xuất đường	1072
134.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
135.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
136.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
137.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
138.	Sản xuất rượu vang	1102
139.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
140.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
141.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
142.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
143.	Chăn nuôi khác	0149
144.	Chăn nuôi gia cầm	0146
145.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
146.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
147.	Dịch vụ đóng gói	8292
148.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách	4932
149.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
150.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
151.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
152.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
153.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập Internet	6190

154.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
155.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
156.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
157.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
158.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
159.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
160.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
161.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
162.	Bán buôn thực phẩm	4632
163.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
164.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ KINH BẮC	Liên kê 7-19 Khu Đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0104371256	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	290.000	2.900.000.000	29,000		
			Cổ phần phổ thông	290.000	2.900.000.000	29,000		
2	HOÀNG THỊ THẢO	Tổ dân phố 10, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	3,000	0271910008 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	3,000		

3	TRẦN THỊ VÂN ANH	Số 78 Thụy Khê K73, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	680.000	6.800.000.000	68,000	0011920197 73
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	680.000	6.800.000.000	68,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 23/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001192019773

Ngày cấp: 10/07/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 78 Thụy Khê K73, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 78 Thụy Khê K73, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội